

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2024/HS-PT

Ngày: 20-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhậm

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Phương

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 128/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Đỗ Văn P và đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn P và Đặng Văn Chí T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2024/HS-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Đỗ Văn P, sinh ngày 05/5/1998, tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn M, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1967 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ con. Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 30/3/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 19/11/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (hành vi phạm tội xảy ra trước hành vi cố ý gây thương tích). Tổng hợp hình phạt bị cáo P phải chấp hành 05 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/10/2023, chưa được xóa án tích;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Văn Chí T, sinh ngày 04/8/1990, tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân

tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960 và bà Đặng Thị Bé T2, sinh năm 1962; vợ tên Trần Thị Thúy H1, sinh năm 1990 và có 01 người con sinh năm 2011. Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 20/3/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/02/2023, chưa được xóa án tích;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, có mặt tại phiên tòa.

Những người không kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Hữu P1, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp R, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Thôn M, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Trần Thanh M, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 12/3/2024, bị cáo P hẹn bị cáo T uống cà phê tại quận Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, trong lúc uống cà phê thì P rủ T đi cướp giật dây chuyền vàng của người đi đường bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý, P kêu T đổi biển số xe 76H1-373.90 là biển số xe mô tô của P bằng biển số 72K1-466.59 là biển số xe mô tô của T đang chạy. Sau khi đổi biển số xe T điều khiển xe mô tô gắn biển số 72K1-466.59 chở P ngồi phía sau đi trên đường tìm người có tài sản để cướp giật. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày cả hai đi đến đường ĐT 839 thuộc ấp A, xã B, huyện Đ phát hiện ông Nguyễn Hữu P1 đang chạy xe mô tô chở vợ, con đi trên đường theo hướng ngược lại, thấy trên cổ ông P1 có đeo sợi dây chuyền vàng nên T quay xe lại chạy đuổi theo xe ông P1, T điều khiển xe áp sát xe ông P1, P ngồi phía sau dùng tay phải nắm và giật được sợi dây chuyền, T nhanh chóng điều khiển xe chạy theo hướng đường ĐT 816 thuộc xã B để tẩu thoát. Khi cả hai chạy đến đoạn đường thuộc ấp A, xã B, huyện Đ thì bị bắt quả tang.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-TCKH ngày 19/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận giá trị tài sản sợi dây chuyền các bị cáo chiếm đoạt trong vụ án là 45.967.000 đồng.

Tại Bản án số 68/2024/HS-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã tuyên xử.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn P và Đặng Văn Chí T cùng phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ vào: điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Chí T 07 (bảy) năm tù.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về thời gian tạm giam, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 19/9/2024, bị cáo Đỗ Văn P và Đặng Văn Chí T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như án sơ thẩm xác định; các bị cáo bị Tòa sơ thẩm xét xử về tội “Cướp giật tài sản” là đúng pháp luật. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm có nội dung:

Các bị cáo kháng cáo trong thời hạn và nội dung kháng cáo của các bị cáo phù hợp theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

Vào ngày 12/3/2024, tại đường T thuộc ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An các bị cáo P và T sử dụng phương tiện là xe mô tô để cướp giật sợi dây chuyền vàng của ông P1 trị giá 45.967.000 đồng rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi nêu trên của bị cáo P và T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Sau khi vụ án xét xử các bị cáo Đỗ Văn P, Đặng Văn Chí T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Qua nghiên cứu hồ sơ và kết quả xét hỏi thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy: ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng, tuyên phạt các bị cáo mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra. Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đều có tiền án về tội “Cướp giật tài sản” chưa được xoá án tích, nay lại tiếp tục phạm tội. Các bị cáo kháng cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Từ những phân tích trên Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn P, Đặng Văn Chí T; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 68/2024/HSST ngày 09/9/2024 của Toà án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo kháng cáo bản án trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung Bản sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định như sau: Vào khoảng 14 giờ ngày 12/3/2024, bị cáo P hẹn bị cáo T uống cà phê tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, trong lúc uống cà phê thì P rủ T đi cướp giật dây chuyền vàng của người đi đường bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý, P kêu T đổi biển số xe 76H1-373.90 là biển số xe mô tô của P bằng biển số 72K1-466.59 là biển số xe mô tô của T đang chạy. Sau khi đổi biển số xe T điều khiển xe mô tô gắn biển số 72K1-466.59 chở P ngồi phía sau đi trên đường tìm người có tài sản để cướp giật. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày cả hai đi đến đường ĐT 839 thuộc ấp A, xã B, huyện Đ phát hiện ông Nguyễn Hữu P1 đang chạy xe mô tô chở vợ, con đi trên đường theo hướng ngược lại, thấy trên cổ ông P1 có đeo sợi dây chuyền vàng nên T quay xe lại chạy đuổi theo xe ông P1, T điều khiển xe áp sát xe ông P1, P ngồi phía sau dùng tay phải nắm và giật được sợi dây chuyền, T nhanh chóng điều khiển xe chạy theo hướng đường ĐT 816 thuộc xã B để tẩu thoát. Khi cả hai chạy đến đoạn đường thuộc ấp A, xã B, huyện Đ thì bị bắt quả tang.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-TCKH ngày 19/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận giá trị tài sản sợi dây chuyền là 45.967.000 đồng.

[3] Các bị cáo P và T là những người có đủ năng lực hành vi theo quy định của pháp luật đã thực hiện hành vi dùng phương tiện là xe mô tô phân khối cao thực hiện hành vi giật tài sản của bị hại P1 đang điều khiển xe mô tô và giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt nêu trên đã có đủ căn cứ cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự nên bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội cướp giật tài sản theo quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Các bị cáo sử dụng xe mô tô phân khối cao để thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp “dùng thủ đoạn nguy hiểm” phải chịu hình phạt theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đã bị xét xử về tội rất nghiêm

trọng do cố ý, chưa được xóa án tích lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” phải chịu hình phạt theo quy định tại điểm i, khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Do đó, các bị cáo phải chịu hình phạt về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật, không oan đối với các bị cáo.

Án sơ thẩm đã căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Chí T 07 (bảy) năm tù.

Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo: Xét thấy khi xét xử án sơ thẩm đã xác định các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn và phân tích rõ vai trò của từng bị cáo trong khi thực hiện hành vi phạm tội: Bị cáo P là người trực tiếp khởi xướng việc đi cướp giật tài sản, đề xuất đổi biển số xe. Bị cáo P cũng chính là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Vì vậy, bị cáo P phải chịu hình phạt nặng hơn bị cáo T. Bị cáo T là người được bị cáo P rủ rê tham gia cướp giật tài sản, trực tiếp điều khiển phương tiện chở bị cáo P đi cướp giật tài sản và xác định các bị cáo P và T cùng có các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thật thà khai báo, ăn năn hối cải đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo P 07 năm 06 tháng tù, bị cáo T 07 năm tù là có căn cứ phù hợp với tình chất hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ các bị cáo có theo quy định của pháp luật. Các bị cáo kháng cáo không có cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp.

[5] Từ nhận xét tại mục [3], Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đỗ Văn P và Đặng Văn Chí T. Giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2024/HS-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đối với các bị cáo Đỗ Văn P và Đặng Văn Chí T.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Đỗ Văn P và Đặng Văn Chí T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn P và Đặng Văn Chí T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 68/2024/HS-ST ngày 09/09/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An đối với các bị cáo Đỗ Văn P và Đặng Văn Chí T.

2. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn P phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ vào: điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 12/3/2024).

3. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn Chí T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ vào: điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Chí T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 12/3/2024).

Áp dụng Điều 374 tiếp tục tạm giam các bị cáo Đỗ Văn P và Đặng Văn Chí T 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Đỗ Văn P và Đặng Văn Chí T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Nhậm